TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2023/DS-PT
Ngày: 07 - 9 - 2023
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thanh Ngân**.

Các Thẩm phán: Ông **Hồ Văn Luông**.

Bà **Trịnh Thị Bích Hạnh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Nguyễn Phương Nhã** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà **Lưu Thị Kim Chúc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 10 tháng 8 và ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023, về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 98/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 75/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số: 30/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn*: Bà Cao Thị N, sinh năm 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N: Luật sư Trương Minh T – Văn phòng luật sư Trương Minh T thuộc Đoàn luật sư thành phố C. (Có mặt ngày 10/8/2023, vắng mặt ngày 07/9/2023)

** Bị đơn*:

- Ông Võ Hoàng M, sinh năm 1963. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Ông Võ Hoàng D, sinh năm 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông M và ông D: Ông Nguyễn Tiến C, sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: A, ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Võ Thị H, sinh năm 1986. (Vắng mặt)
- Anh Võ Hoàng K, sinh năm 1989. (Có mặt)
- Chị Võ Hoàng Y, sinh năm 1994. (Có mặt)
- Chị Võ Thị Cẩm V, sinh năm 1996. (Vắng mặt)
- Chị Võ Thị Cẩm N1, sinh năm 2001. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền của chị H, anh K, chị Y, chị V, chị N1: Bà Cao Thị N. (Có mặt)

- Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1955. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Ông Phan Hồng S, sinh năm 1958. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Ông Võ Hoàng D1, sinh năm 1948. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: A N, khu V, phường A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Ông Võ Thanh V1, sinh năm 1964. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Ông Võ Hoàng T1, sinh năm 1972. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Ông Võ Hoàng T2, sinh năm 1973. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 30/6/2 N, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Bà Võ Thị Kiều T3, sinh năm 1975. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 4 đường N, tổ D, khu phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Anh Lê Phi H1, sinh năm 1988. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đường D, khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

** Người kháng cáo*: Bà Cao Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Cao Thị N trình bày: Phần đất mà chồng bà ông Võ Hoàng H2 (đã chết) sử dụng có nguồn gốc do cha là ông Võ Minh H3 và mẹ là bà Hồ Thị M1 cho sử dụng vào năm 1988, chồng bà trực tiếp canh tác cho đến năm 1996 thì chồng bà đã tiến hành đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc các thửa 258, 259, 260, 261, 263 tờ bản đồ số 01, tổng diện tích 37.708m^2. Đến khoảng tháng 10/1999 thì ông Võ Hoàng M có đến hỏi chồng bà (ông H2) để mượn phần đất canh tác với diện tích là khoảng 07 công tầm 3m, chỉ hỏi miệng và ông M canh tác đến nay. Đến khoảng tháng 10/2007 thì ông D cho rằng phần đất được cha mẹ cho nên đã tự ý sử dụng phần đất có diện tích khoảng 06 công tầm 3m. Do khi chồng bà chết hoàn cảnh khó khăn nên bà phải đi làm thuê, đến tháng 12/2007 thì mẹ chồng bà là bà Hồ Thị M1 có đơn thưa ở xã và yêu cầu bà phải giao phần đất lại cho bà M1 để bà M1 chia cho các con, sự việc kéo dài cho đến khi ông M và ông D thưa gia đình bà đến Ủy ban xã và tranh chấp cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Hoàng M phải trả lại cho gia đình bà phần đất có diện tích 8.849,9m^2, ông Võ Hoàng D trả lại phần đất có diện tích 8.418,7m^2 theo kết quả đo đạc thực tế của Tòa án.

Bị đơn ông Võ Hoàng D trình bày: Phần đất tranh chấp mà ông đang sử dụng có nguồn gốc là của cha ông tên Võ Minh H3 và mẹ là bà Hồ Thị M1 khai phá từ năm 1955 và sử dụng đến năm 1990 thì cho ông sử dụng, chỉ nói miệng, không có giấy tờ gì do phần đất chưa có giấy chứng nhận nhưng lúc đó ông cũng chưa có nhận đất để canh tác mà phần đất đó do em ông là Võ Hoàng T1 đang canh tác. Đến khoảng năm 1992 thì Võ Hoàng H2 mới về ở và canh tác phần đất này. Việc bà N cho rằng cha mẹ ông cho ông H2 phần đất này năm 1988 là không đúng. Đến tháng 6/2007 thì mẹ ông có kêu ông về để phân chia lại phần đất và ông được mẹ cho 06 công đất tầm 3m, kể từ đó ông trực tiếp quản lý, sử dụng. Do hoàn cảnh khó khăn nên vào tháng 6/2008 ông có cố toàn bộ 06 công đất này cho ông Phan Hồng S với số tiền là 50.000.000 đồng, không có thời hạn, khi nào ông trả tiền thì ông S giao lại phần đất nêu trên cho ông. Nay ông yêu cầu Tòa án xem xét công nhận phần đất đang tranh chấp theo kết quả đo đạt thực tế của Tòa án có diện tích là 8.418,7m^2 thuộc một phần thửa 258 và một phần thửa 259 tờ bản đồ số 01 hiện do ông Võ Hoàng H2 đang đứng tên trên giấy chứng nhận cho ông được sử dụng hợp pháp.

Bị đơn ông Võ Hoàng M trình bày: Phần đất tranh chấp mà ông đang sử dụng có nguồn gốc là của cha ông tên Võ Minh H3 và mẹ là bà Hồ Thị M1 khai phá từ năm 1955 và sử dụng đến năm 1989 thì cho ông, kể từ đó ông quản lý sử dụng, khi cho chỉ nói miệng, không có giấy tờ gì. Đến năm 2002 do hoàn cảnh khó khăn nên ông có cố phần đất này cho bà Võ Thị Đ là 04 (40 chỉ) cây vàng 24k và bà Đ sử dụng cho đến nay. Đến khoảng năm 2007 khi mẹ ông thưa bà Cao Thị N đến xã thì ông cũng được biết là phần đất cha mẹ cho ông đã bị ông H2 kê khai đăng ký quyền sử dụng. Sau đó ông có qua hỏi bà N để mượn giấy chứng nhận và tách ra cho ông thì

bà N không đồng ý, sau nhiều lần thì ông có gởi đơn tranh chấp với bà N vào năm 2019. Nay ông yêu cầu Tòa án xem xét công nhận phần đất đang tranh chấp theo kết quả đo đạt thực tế của Tòa án có diện tích là 8.849,9m^2 thuộc một phần thửa 258, tờ bản đồ số 01 hiện do ông Võ Hoàng H2 đang đứng tên trên giấy chứng nhận cho ông được sử dụng hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Hoàng K, chị Võ Thị Cẩm N1 thống nhất trình bày: Phần đất mà gia đình đang tranh chấp với ông Võ Hoàng M, Võ Hoàng D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Hoàng H2 nên yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông Võ Hoàng M và ông Võ Hoàng D trả lại phần đất cho gia đình anh, chị sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Hồng S trình bày: Vào năm 2008 ông có nhận cố phần đất của ông Võ Hoàng D với số tiền là 50.000.000 đồng, có làm giấy tay, khi cố ông có được biết phần đất đó ông D được cha mẹ cho nhưng hiện do ông H2 đang đứng tên sử dụng. Do phần đất hiện tại đang tranh chấp được Tòa án giải quyết nên kết quả xét xử như thế nào ông sẽ chấp hành đúng, trường hợp Tòa án công nhận phần đất này cho ông D thì ông vẫn tiếp tục canh tác, trường hợp Tòa án buộc ông D phải trả lại thì ông cũng sẽ giao trả phần đất. Riêng số tiền ông D còn nợ ông thì ông không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong cùng vụ kiện này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Đ trình bày: Trước đây ông M có nhiều lần qua hỏi mượn vàng của bà và chưa trả nên ông M có giao phần đất của ông M đang sử dụng cho bà canh tác (thời gian nào bà không nhớ rõ), khi nào trả xong số nợ thì bà giao đất lại cho ông M. Khi ông M giao đất bà có biết ông M vẫn chưa có bằng khoán, số vàng ông M nợ bà là 04 cây vàng 24k. Do phần đất hiện tại đang tranh chấp được Tòa án giải quyết nên kết quả xét xử như thế nào bà sẽ chấp hành đúng, trường hợp Tòa án công nhận phần đất này cho ông M thì bà vẫn tiếp tục canh tác, trường hợp Tòa án buộc ông M phải trả lại thì bà cũng sẽ giao trả phần đất. Riêng số tiền ông M còn nợ bà thì bà không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong cùng vụ kiện này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hoàng D1, ông Võ Thanh V1, ông Võ Hoàng T1, ông Võ Hoàng T2, bà Võ Thị Kiều T3 và anh Lê Phi H1 thống nhất trình bày: Đối với phần đất tranh chấp giữa bà Cao Thị N và ông Võ Hoàng M, Võ Hoàng D tại ấp T, xã T, huyện C có nguồn gốc là của bà Hồ Thị M1 và ông Võ Minh H3 khai phá sử dụng từ trước năm 1975. Đến năm 1989 thì chia cho các con là ông Võ Hoàng M, Võ Hoàng D, Võ Hoàng H2 nhưng không biết vì lý do gì mà ông Hải đăng k được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hơn 37.700m^2 mà các anh em trong gia đình không hay biết. Đối với phần đất này đã được ông H3, bà M1 cho

ông H2, ông D, ông M nên nếu phát sinh quyền thừa kế thì không có yêu cầu gì và đồng ý nhượng suất thừa kế của mình cho ông M và ông D được hưởng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị N về việc đòi lại quyền sử dụng đất. Chấp nhận đơn phản tố của ông Võ Hoàng M, ông Võ Hoàng D về việc công nhận quyền sử dụng đất.

Công nhận cho ông Võ Hoàng M được sử dụng phần đất có diện tích 8.849,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 258 tờ bản đồ số 01 (ký hiệu 1b), ông Võ Hoàng D được sử dụng phần đất có diện tích 8.418,7m^2 thuộc một phần thửa 258 và một phần thửa 259, tờ bản đồ số 01 (ký hiệu 2a, 2c) thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Võ Hoàng H2 đứng tên số vào số 000298 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện C, tỉnh Hậu Giang) cấp ngày 10/8/1996 theo Sơ đồ thửa đất số 51/ACB Hậu Giang ngày 27/11/2020 của Công ty TNHH Đ1.

Phần đất còn lại thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000298 ổn định cho các đồng thừa kế của ông Võ Hoàng H2 gồm Võ Hoàng K, Võ Thị H, Võ Hoàng Y, Võ Thị Cẩm V, Võ Thị Cẩm N1 được sử dụng. Ông M, ông D có trách nhiệm liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi bản án có hiệu lực pháp luật (kèm theo sơ đồ thửa đất).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc, thẩm định tài sản, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/01/2023, nguyên đơn bà Cao Thị N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, buộc ông Võ Hoàng M phải trả lại cho nguyên đơn phần đất đã mượn của chồng bà có diện tích 8.849,9m^2 và buộc ông Võ Hoàng D phải trả lại phần đất đã chiếm sử dụng có diện tích 8.418,7m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của bà.

Bị đơn – Ông Võ Hoàng M vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, thống nhất với bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Nguyễn Tiến C vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố của ông Võ Hoàng D, thống nhất với bản án sơ thẩm. Đối với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp tại cấp phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận do lời trình bày và chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là không phù hợp với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Cao Thị N, sửa bản án sơ thẩm về các đồng thừa kế của ông Võ Hoàng H2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật giải quyết là "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và thừa kế tài sản" là chưa chính xác. Căn cứ khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, khoản 24 Điều 3 Luật Đất đai 2013, thì tranh chấp giữa các đương sự là "tranh chấp quyền sử dụng đất".

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Cao Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có nguồn gốc là của cha, mẹ các ông bà là ông Võ Minh H3 và bà Hồ Thị M1 canh tác sử dụng từ trước năm 1975.

[2.2] Năm 1990, ông Võ Minh H3 chết và để lại phần di sản chưa chia trong đó có phần đất tranh chấp hiện nay, đến năm 1996 thì ông H2 tiến hành kê khai phần đất di sản của ông H3 gồm các thửa 258, 259, 260, 261, 263 tờ bản đồ số 01, tổng diện tích là 37.708m^2 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Công văn số 535/UBND ngày 31/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C xác định phần đất theo giấy chứng nhận số 000298 do Ủy ban nhân dân huyện C (nay là huyện C) cấp ngày 10/8/1996 cho hộ ông Võ Hoàng H2 là đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, căn cứ hồ sơ trích lục tại Sở tài nguyên môi trường thì hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của ông H2 chỉ có đơn xin đăng ký đất và trong phần nguồn gốc đất được ghi là đất của cha mẹ ngoài ra không có thêm giấy tờ gì khác thể hiện việc ông H3, bà M1 có tặng cho phần đất này cho ông H2 cũng như văn bản thể hiện sự đồng ý nhượng quyền thừa kế của các đồng thừa kế của ông H3. Trong khi đó, thời điểm ông H2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà M1 vẫn còn sống và căn cứ vào lời khai có trong hồ sơ vụ án, việc bà M1 từng khởi kiện bà N vào năm 2007 để đòi lại quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Võ Hoàng H2, tờ di chúc của bà M1 ngày 06/08/2006 có chữ ký của bà N đã thể hiện được phần ý nguyện của ông H3, bà M1 là muốn phân chia đất cho ông H2, ông M, ông D. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Cao Thị N có cung cấp đơn thuốc để thể hiện cho

việc không tình nguyện ký vào tờ di chúc của bà M1 ngày 06/08/2006; tuy nhiên, nội dung, thời gian trong đơn thuốc không phù hợp với lời trình bày của bà N và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N đòi ông M, ông D trả lại phần đất tranh chấp; chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Võ Hoàng M, ông Võ Hoàng D là có cơ sở. Nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm ổn định cho các đồng thừa kế của ông Võ Hoàng H2 mà thiếu bà Cao Thị N (vợ của ông H2) là chưa chính xác, Hội đồng xét xử cần điều chỉnh lại về hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Hoàng H2.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Cao Thị N không cung cấp được chứng cứ nào mới khác chứng minh cho kháng cáo của bà là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hậu Giang, không chấp nhận kháng cáo của bà Cao Thị N, sửa bản án sơ thẩm về các đồng thừa kế của ông Võ Hoàng H2.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 166, 180, 182, 189, 609, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các Điều 99, 100, 203 Luật đất đai năm 2013.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thị N.

Sửa bản án sơ thẩm về phần các đồng thừa kế của ông Võ Hoàng H2.

1. Công nhận cho ông Võ Hoàng M được toàn quyền sử dụng, đứng tên riêng phần đất có diện tích 8.849,9m^2 (ký hiệu 1b), ông Võ Hoàng D được toàn quyền sử dụng, đứng tên riêng phần đất có diện tích 8.418,7m^2 (ký hiệu 2a, 2c) theo Sơ đồ thửa đất số 51/ACB Hậu Giang ngày 27/11/2020 của Công ty TNHH Đ1, phần đất thuộc một phần thửa đất số 258 và một phần thửa 259, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000298 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện C, tỉnh Hậu Giang) cấp ngày 10/8/1996 cho hộ ông Võ Hoàng H2 đứng tên.

Phần đất còn lại thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000298 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện C, tỉnh Hậu Giang) cấp ngày 10/8/1996 cho hộ ông Võ Hoàng H2 đứng tên được ổn định cho các đồng thừa kế của

ông Võ Hoàng H2 gồm Cao Thị N, Võ Hoàng K, Võ Thị H, Võ Hoàng Y, Võ Thị Cẩm V, Võ Thị Cẩm N1 được sử dụng.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đứng tên riêng cho các bên như đã nêu trên khi bản án có hiệu lực pháp luật (kèm theo Sơ đồ thửa đất số 51/ACB Hậu Giang ngày 27/11/2020 của Công ty TNHH Đ1).

2. Về chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm: Tổng số tiền 10.732.000 đồng (mười triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng). Buộc nguyên đơn bà Cao Thị N phải nộp. Phần tiền này bà N đã nộp xong nên không phải nộp thêm.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Cao Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng, chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003837 ngày 07/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Bà Cao Thị N không phải nộp thêm. Ông Võ Hoàng M, Võ Hoàng D được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007493 và 0007494 ngày 19/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Cao Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Cao Thị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012347 ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 07/9/2023.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Châu Thành A;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Ngân